

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BL
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2025

V/v: *Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lương Thị Nụ**
2. Bà Lục Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạ Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Tuấn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh ngày 10/8/1999; Nơi đăng ký thường trú: xóm É, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Tồn K, sinh ngày 23/01/1999; Nơi cư trú: xóm É, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phùng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Tồn K đã có sự tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Anh chị cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 14/7/2020. Quá trình chung sống, năm 2021 anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; anh K không quan tâm đến gia đình vợ con, hay đi chơi bời với bạn bè và

sử dụng trái phép chất ma túy. Anh K đã được gia đình chị giúp đỡ, hỗ trợ động viên để cai nghiện tại nhà nhưng anh K không từ bỏ được ma túy. Từ năm 2022, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng và sống ly thân với anh K từ đó đến nay. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 người con chung là: Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Triệu Tồn K có bản tự khai, phiên hoà giải ngày 20/5/2025, anh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị T tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 14/7/2020. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh thừa nhận bản thân có hay chơi bời với bạn bè, không chịu khó lao động và sử dụng ma túy. Anh đã được gia đình chị T hỗ trợ để cai nghiện tại nhà bố mẹ của chị T nhưng do không phù hợp về sinh hoạt, lối sống nên anh đã bỏ về nhà. Hiện nay anh thi thoảng vẫn sử dụng ma túy. Chị T làm đơn xin ly hôn với anh, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 người con chung là: Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị T tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành ghi ý kiến cháu Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017, là con chung của chị T và anh K, kết quả, cháu T1 có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Toà án yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Thông báo số 27/TB-TA ngày 20/5/2025, hết thời hạn được thông báo, không có đương sự nào giao nộp chứng cứ.

Công văn số 41/CV-UBND ngày 26/5/2025 của Ủy ban nhân dân xã V,

huyện B, tỉnh Cao Bằng xác nhận:

Chị Phùng Thị T và anh Triệu Tồn K đều có đăng ký thường trú tại xóm É, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Chị T và anh K có đăng ký kết hôn tại hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 14/7/2020. Quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên chị T bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022, nguyên nhân của mâu thuẫn, địa phương không nắm được. Hiện nay chị T không có mặt tại địa phương do chuyển đi đăng ký tạm trú tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng, anh K thường vắng nhà do đi chơi với bạn bè, anh K hiện đang là đối tượng trong danh sách theo dõi những người sử dụng ma túy trên địa bàn xã V. Hiện nay chị T có đơn xin ly hôn với anh K, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự, người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Triệu Tồn K.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017 cho chị Phùng Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đến tuổi trưởng thành, hoặc có bản án, quyết định mới của Tòa án. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không đề nghị xem xét.

Về án phí dân sự: Đề nghị căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phùng Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Triệu Tồn K; anh Triệu Tồn K có nơi cư

trú tại xóm Ế, xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn Phùng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn Triệu Tồn K đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Triệu Tồn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh K đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên chị T bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị thuộc xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị T kiên quyết xin ly hôn, anh K bản tự khai và phiên hoà giải không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thừa nhận của anh K về việc vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chứng tỏ hai bên không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể tạo nên một gia đình hạnh phúc. Do đó, căn cứ vào khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T. Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Triệu Tồn K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là: Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017. Hiện nay con chung đang sống với chị T tại xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình hoà giải, anh K và chị T đã thống nhất được người trực tiếp nuôi con, chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Đến thời điểm mở phiên ngày hôm nay, Toà án không nhận được ý kiến khác của anh K. Xét thấy, sự thoả thuận giữa anh K và chị T về việc giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, sự gắn bó thân thiết giữa chị T và cháu T1, sự ổn định môi trường sống, học tập của cháu T1 và đây cũng là nguyện vọng của cháu T1, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần công nhận về sự thoả thuận này. Chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng

quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị Phùng Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh K không phải chịu án phí.

Xác nhận, chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0003632 ngày 25/4/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, án phí ly hôn phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị T về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” đối với anh Triệu Tồn K.

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T được ly hôn với anh Triệu Tồn K.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thanh T1, sinh ngày 14/5/2017 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Triệu Tồn K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Triệu Tồn K không phải chịu án phí.

Xác nhận, chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0003632 ngày 25/4/2025. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện BL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện BL;
- UBND xã VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Kim